TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 20-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Kiên Hiển
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Bùi Nhật Vi Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minhồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 558/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1980. (Có mặt)
Địa chỉ: 114 đường N, Phường M1, Quận M, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1990. (Có mặt)
Địa chỉ: 575/16 đường N1, Phường H3, Quận 3, Thành phố H.
- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***
1. Ông Tăng Hớn H4, sinh năm 1979. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 114 đường N, Phường M1, Quận M, Thành phố H.
2. Bà Hoàng Hạnh N2, sinh năm 1991. (Vắng mặt)
Địa chỉ: 14/18 hẻm C7 (hoặc 14/18 đường V) đường H5, Phường M2, quận T2, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2023; Bản tự khai; Các Biên bản hòa giải; Nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T trình bày:

Bà và bị đơn ông Nguyễn Anh T1 có mối quan hệ qua quen biết ngoài xã hội. Bà có cho bị đơn ông T1 vay số tiền 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng để bị đơn ông T1 làm ăn. Để ghi nhận sự việc thì ngày 19/9/2023, bị đơn ông T1 và bà đã ký Hợp đồng vay tiền công chứng số 00018060, quyển số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng N3, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Bà cho ông T1 vay số tiền 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng và thời hạn vay là 10 (mười) ngày. Qúa thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ghi nhận tại Hợp đồng vay tiền nêu trên nhưng bị đơn ông T1 vẫn chưa trả tiền cho bà.

Ngày 10/11/2023, bị đơn ông T1 có chuyển khoản trả cho bà số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, do đó bị đơn ông T1 chỉ còn nợ bà số tiền 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng.

Ngày 25/11/2023, bị đơn ông T1 có viết bản cam kết hứa trả số tiền nợ còn lại 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng sau 10 (mười) ngày. Đến nay đã quá thời hạn ghi nhận tại bản cam kết nhưng bị đơn ông T1 vẫn chưa trả hết số tiền còn nợ cho bà.

Bà chỉ cho bị đơn ông T1 vay và không biết vợ bị đơn ông T1 là ai nên bà chỉ yêu cầu bị đơn ông T1 có trách nhiệm trả số tiền nợ cho bà.

Đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Anh T1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ còn lại là 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng theo Hợp đồng vay tiền công chứng số 00018060, quyển số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng N3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề nghị thanh toán 01 (một) lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà đề nghị duy trì việc áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời ghi nhận tại Quyết định số 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo việc thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Anh T1 tại bản tự khai trình bày:

Ông xác nhận vào ngày 19/9/2023, ông và nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T đã ký Hợp đồng vay tiền công chứng số 00018060, quyển số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng N3, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền ông vay của nguyên đơn bà T là 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng và thời hạn vay là 10 (mười) ngày kể từ ngày công chứng Hợp đồng.

Đến ngày 25/11/2023, ông có viết bản cam kết trả nợ tại nhà của nguyên đơn bà T. Ông có đề xuất 03 (ba) mối trả tiền. Nhưng vào thời điểm đó, ông chỉ có khả năng trả theo mối 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và nguyên đơn bà T yêu cầu trả số tiền sớm nên ông phải viết theo yêu cầu của nguyên đơn bà T.

Về nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T, ông có ý kiến như sau:

- Ông đã trả cho nguyên đơn bà T được 100.000.000 (một trăm triệu) đồng nên hiện tại ông chỉ còn nợ nguyên đơn bà T với số tiền là 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng.

- Về phương án trả nợ cho nguyên đơn bà T, hiện tại ông có khoản thu nợ tại thành phố Phan Thiết vào ngày 15/3/2024. Ông đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông thời hạn đến ngày 18/3/2024, ông sẽ trình bày phương án trả nợ. Khoản nợ của ông và nguyên đơn bà T là khoản nợ riêng và không liên quan đến vợ ông là bà Hoàng Hạnh N2, hiện nay vợ ông đang ở tại địa chỉ 14/18 hẻm C7 (hoặc 14/18 đường V) đường H5, Phường M2, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03/4/2024, ông có đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông được gặp nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T để thỏa thuận thanh toán số tiền nợ còn lại là 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng, do ngày 02/02/2024, ông bận đi công tác nên không tham gia được Phiên hòa giải tại Tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Hớn H4 tại bản tự khai trình bày:

Qua sự giới thiệu của người bạn về hoàn cảnh của bị đơn ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1990, địa chỉ tại 575/16 đường N1, Phường H3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì ngày 19/9/2023 tại Văn phòng công chứng N3, Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ 1294 - 1296 đường B1, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ ông là nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T có cho bị đơn ông Nguyễn Anh T1 vay số tiền 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng và có ký Hợp đồng vay tiền công chứng số 00018060, quyển số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng N3, Thành phố Hồ Chí Minh. Qúa thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ghi nhận tại Hợp đồng vay tiền nêu trên nhưng bị đơn ông T1 vẫn chưa trả tiền.

Ngày 10/11/2023, bị đơn ông T1 có chuyển khoản trả bớt cho vợ ông nguyên đơn bà T với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Số tiền nợ còn lại đến nay bị đơn ông T1 vẫn chưa hoàn trả lại.

Ông xác nhận rằng ông có biết khoản tiền bị đơn ông T1 vay của vợ ông nguyên đơn bà T và ông đồng ý để bị đơn ông T1 trả tiền vào tài khoản riêng của vợ ông nguyên đơn bà T. Ông làm đơn xin phép vắng mặt trong tất cả các Phiên hòa giải, Phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Hạnh N2 và ông Tăng Hớn H4 vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Anh T1 có địa chỉ thường trú tại 575/16 đường N1, Phường H3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Xét người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Hạnh N2 vắng mặt đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Xét người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tăng Hớn H4 có đơn xin vắng mặt do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H4.

[3] Về yêu cầu của Nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng của nguyên đơn, ngày 10/11/2023, bị đơn ông T1 có chuyển khoản trả cho bà số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, do đó bị đơn ông T1 chỉ còn nợ nguyên đơn bà T số tiền 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét lời khai thống nhất của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T và bị đơn ông Nguyễn Anh T1, ngày 19/9/2023, bị đơn ông T1 và bà đã ký Hợp đồng vay tiền công chứng số 00018060, quyển số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng N3, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Bà T cho ông T1 vay số tiền 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng và thời hạn vay là 10 (mười) ngày. Ngày 10/11/2023, bị đơn ông T1 có chuyển khoản trả cho bà số tiền 100.000.000 (một trăm

triệu) đồng, do đó bị đơn ông T1 chỉ còn nợ bà số tiền 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, ...*" và khoản 1 Điều 290 Bộ luật Dân sự: "*Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức như đã thỏa thuận*".

Từ những nhận định trên đủ cơ sở xác định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng là phù hợp với quy định.

[4] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Tăng Hớn H4 là chồng của nguyên đơn xác nhận rằng ông có biết khoản tiền bị đơn ông T1 vay của nguyên đơn bà T và ông đồng ý để bị đơn ông T1 trả tiền vào tài khoản riêng của nguyên đơn bà T không liên quan đến ông nên không có yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết quyền lợi.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Hạnh N2 là vợ của bị đơn và bị đơn xác định việc vay nợ không liên quan đến bà N2 nên bà không liên quan đến vụ án.

[5] Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng hình thức "Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng". Do việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết để giải quyết vụ án và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/12/2023. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Vì vậy, để tiếp tục đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho đến khi thi hành án, nên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời cho đến khi thi hành án xong hoặc người yêu cầu có đơn yêu cầu hủy bỏ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 208, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 290, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Anh T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T số tiền 3.700.000.000 (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng.

Việc thanh toán thực hiện 01 (một) lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi thi hành án xong thì hủy bỏ hoặc khi người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có đơn yêu cầu hủy bỏ. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Anh T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 106.000.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Minh T số tiền án phí đã tạm nộp là 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng) theo biên lai số AA/2023/0002322 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Nam Phương